

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG
CẨM PHẢ VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Số: **1410** /KVCP - KH

Về việc kê khai giá dịch vụ cảng
biển, cảng Cẩm Phả

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG NINH

Số:
ĐẾN Ngày: 16/02/2023

Chuyển:

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải - Tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ Container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ tại cảng biển, cảng Cẩm Phả (có biểu đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 21/02/2023.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đình Trung Kiên

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Đoàn Minh; số điện thoại: 0913 085 344
- Đơn vị thực hiện kê khai: Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin; địa chỉ: Số 604, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh; email: camphaport@vnn.vn.

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số: **1410 /KVCP - KH** ngày 15/02/2023 của Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin)

I/ Mức giá kê khai

1. Giá dịch vụ sử dụng cầu, bến thuộc khu vực hành hải:

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ	16,5
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ	16,5

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0031
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0060

2. Giá dịch vụ lai dắt.

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ (Công suất tàu lai hỗ trợ HP)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Than Việt Nam (700 HP)	Đồng/giờ	4.070.000
2	Tàu Đông Hải (980 HP)	Đồng/giờ	5.610.000
3	Tàu Tuần Châu (2.000 HP)	Đồng/giờ	12.760.000
4	Tàu Yết Kiêu (3.200 HP)	Đồng/giờ	14.740.000

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ (Công suất tàu lai hỗ trợ HP)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Than Việt Nam (700 HP)	USD/giờ	273
2	Tàu Đông Hải (980 HP)	USD/giờ	352
3	Tàu Tuần Châu (2.000 HP)	USD/giờ	659
4	Tàu Yết Kiêu (3.200 HP)	USD/giờ	898

3. Giá dịch vụ buộc, cởi dây tàu tại cầu.

a/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

STT	Tên dịch vụ (theo cỡ tàu, dung tích toàn phần)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Từ dưới 2000 GT	Đồng/lần	278.300
2	Từ 2001 đến 4 000 GT	Đồng/lần	363.000
3	Từ 4001 đến 6 000 GT	Đồng/lần	484.000
4	Từ 6001 GT trở lên	Đồng/lần	617.100
5	Sà lan (Đoàn phương tiện)	Đồng/lần	96.800
6	Phương tiện thủy nội địa	Đồng/lần	96.800

Sà lan và phương tiện thủy nội địa tự buộc cởi dây thì tính bằng 50% đơn giá

b/ Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

STT	Tên dịch vụ (theo cỡ tàu, dung tích toàn phần)	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (không tính thuế)
1	Từ 500 đến 1.000 GT	USD/lần	28
2	Từ 1001 đến 10.000 GT	USD/lần	54
3	Từ 10.001 GT trở lên	USD/lần	80

II/ Mức giá kê khai này thực hiện: Kể từ ngày 21/02/2023.

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.